

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1772 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500
Khu dân cư và tái định cư xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Thủ tướng Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1458/TTr-SXD ngày 11/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa với nội dung sau:

1. Điều chỉnh đất xây dựng chung cư thương mại với diện tích 17.062 m² (ký hiệu CT) thành đất nhà ở xã hội.

2. Điều chỉnh một phần đất tái định cư với diện tích 2.391 m² (lô LT8) thành đất nhà ở xã hội.

3. Tỷ lệ cơ cấu sử dụng đất của dự án sau điều chỉnh thay đổi như sau:

STT	Chức năng	Ký hiệu	Theo Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 04/07/2018		Điều chỉnh		Số căn hộ
			Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
I	Đất ở		218.844	43,9	218.844	43,9	
1	Đất ở kinh doanh		174.404		174.404		1.182
1.1	Nhà liên kế	L	116.494		116.494		1.083
1.2	Nhà liên kế vườn	LV	10.524		10.524		64
1.3	Biệt thự	B	30.324		30.324		46
1.4	Chung cư	CT	17.062		0		
2	Đất ở tái định cư và Nhà ở xã hội		44.440		61.052		921
2.1	Nhà liên kế tái định cư	LT	24.183		21.792		249
2.2	Chung cư nhà ở xã hội	NXH	20.257		39.710		1.128
II	Đất công trình công cộng		24.546	4,9	24.546	4,9	
1	Công trình giáo dục	GD	19.200		19.200		
2	Văn phòng khu phố	VP	528		528		
3	Công trình thương mại dịch vụ	TM	4.176		4.176		
4	Công trình trụ sở VP	SKC	642		642		
III	Đất cây xanh	CX	43.191	8,7		8,7	
1	Cây xanh cách ly	CX1	19.496				
2	Cây xanh kết hợp hoa viên	CX2	9.941				
3	Cây xanh kết hợp TDTT	CX3	13.755				
IV	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	2.272	0,5		0,5	
1	Trạm BTS 1	BTS1	238				
2	Trạm BTS 2	BTS2	162				
3	Trạm xử lý nước thải	HTKT	1.872				
V	Đất giao thông		209.065	42,0	209.065	42,0	
	Tổng		497.918	100,0	497.918	100,0	

Điều 2. Trên cơ sở nội dung điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này, UBND thành phố Biên Hòa, UBND xã Phước Tân và Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng An Hưng Phát có trách nhiệm công bố, công khai cho Nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan về nội dung điều chỉnh quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các nội dung khác không liên quan đến việc điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 13/2/2015 của UBND tỉnh về việc duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa và các Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 20/10/2017, Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 04/07/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND xã Phước Tân, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng An Hưng Phát; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng (CNN);
- Lưu: VT, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh